HOME MEDICATION LIST / DANH SÁCH CÁC LOẠI THUỐC DÙNG TẠI NHÀ

Directions: Complete the chart below, listing all medications (precription, over-the-counter, vitamins and supplements) your child takes. If the directions for a medication changes, mark through that row and begin a new row with updated directions. Be sure to bring this sheet with you to all of your child's medical appointments so you can review the information with your child's providers.

Hướng Dẫn: Điền vào bảng biểu dưới đây để liệt kê tất cả các loại thuốc (theo toa, không theo toa, vitamin, và thuốc bổ dưỡng) mà con quý vị hiện đang dùng. Nếu thay đổi cách thức cho dùng thuốc, gạt bỏ hàng có tên thuốc đó và ghi hàng mới miêu tả các chỉ dẫn mới. Nhớ mang theo tờ giấy này đến tất cả các cuộc hẹn y tế của con mình để quý vị có thể xem xét lại thông tin này cùng với người cung cấp dịch vụ y tế.

Child's Name / Tên của đứa trẻ		Primary Care Physician/ Bác sĩ chăm sóc chính	
Parent / Guardian / Phụ huynh / Người giám hộ		Telephone / Số điện thoại	
Telephone / Số điện thoại		Fax/ Số fax	
Other Phone / Số điện thoại thứ hai		Specialty Physician Bác sĩ chuyên khoa	
Emergency Contact / Người liên lạc trong trường hợp khẩn cấp		Telephone / Số điện thoại	
Telephone / Số điện thoại		Fax/ Số fax	
Health Insurance Plan Chương trình bảo hiểm y tế		Pharmacy / Tiệm thuốc	
Plan Number Số bảo hiểm		Telephone / Số điện thoại	
Telephone / Số điện thoại		Fax/ Số fax	

Start date / Ngày bắt đầu dùng	Drug name / Tên của thuốc	Dosage / Liều lượng	Frequency / Dùng bao lâu một lần	What is it used for? / Thuốc dùng cho triệu chứng gì?	End date / Ngày ngừng dùng	Comments / Nhận xét

Start date / Ngày bắt đầu dùng	Drug name / Tên của thuốc	Dosage / Liều lượng	Frequency / Dùng bao lâu một lần	What is it used for? / Thuốc dùng cho triệu chứng gì?	End date / Ngày ngừng dùng	Comments / Nhận xét

ANTIEPILEPSY MEDICATION LIST / DANH SÁCH THUỐC CHỐNG ĐỘNG KINH			
Carbatrol (Carbmazepine)	☐ 200 mg ☐ 300 mg	**Lamictal** (Lamotrigine)	☐ 25 mg ☐ 100 mg ☐ 150 mg ☐ 200 mg **Thuốc nhai:** ☐ 2 mg ☐ 5 mg ☐ 25 mg
Depakene (Valproic Acid)	☐ 250 mg **Thuốc sirô 💧:** ☐ 200 mg / 5 mL	**Neurontin** (Gabapentin)	☐ 100 mg ☐ 300 mg ☐ 400 mg ☐ 600 mg ☐ 800 mg **Thuốc nước 💧:** ☐ 250 mg / 5 mL
Depakote (Divalproex Sodium)	☐ 125 mg ☐ 250 mg ☐ 500 mg **ER:** ☐ 500 mg **Thuốc rắc 💨:** ☐ 125 mg	**Phenobarbital**	☐ 15 mg ☐ 30 mg ☐ 60 mg ☐ 100 mg **Thuốc nước 💧:** ☐ 20 mg / 5 mL
Dilantin (Phenytoin Sodium,Phenytoin)	☐ 30 mg ☐ 100 mg **Infatabs:** ☐ 50 mg **125💧:** ☐ 125 mg / 5 mL	**Tegretol** (Carbamazepine)	☐ 200 mg **XR:** ☐ 100 mg ☐ 200 mg ☐ 800 mg **Thuốc nước 💧:** ☐ 100 mg / 5 mL
Gabitril (Tiagabine HCL)	☐ 2 mg ☐ 4 mg ☐ 12 mg ☐ 16 mg ☐ 20 mg	**Topamax** (Topiramate)	☐ 25 mg ☐ 100 mg ☐ 200 mg **Thuốc rắc 💨:** ☐ 15 mg ☐ 25 mg
Keppra (Levetiracetam)	☐ 250 mg ☐ 500 mg ☐ 750 mg **Thuốc nước 💧:** ☐ 100 mg / mL	**Trileptal** (Oxcarbazepine)	☐ 150 mg ☐ 300mg ☐ 600 mg **Thuốc nước 💧:** ☐ 300 mg / 5 mL (60 mg / mL)
Klonopin (Clonazepam)	☐ 0.5 mg ☐ 1mg ☐ 2 mg	**Zarontin** (Ethosuximide)	☐ 250 mg **Thuốc sirô 💧:** ☐ 250 mg / 5 mL
		Zonegran (Zonisamide)	☐ 100 mg

This publication was developed with funding from the federal Maternal and Child Health Bureau, Health Services and Resources Administration under grant #H98MCO 3905-03-01 funded to the USC UCEDD Children's Hospital Los Angeles, through its initiative, *Project Access: Improving Care for Children with Epilepsy*. Support was also provided by two other partners in Project Access: The National Initiative for Children's Healthcare Quality (NICHQ), under grant #U23MC038893 and The Epilepsy Foundation, under grant # U23MC03909.